

HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH

VỚI CÔNG TÁC KHẢO CHỨNG, CHÚ GIẢI TÀI LIỆU SỬ TỊCH

TA NGỌC LIỄN*

Khi nói về sự nghiệp khoa học của học giả Đào Duy Anh, chúng ta không thể không nói tới đóng góp quan trọng của ông ở môn khảo chứng, chú giải mà ông thường gọi là "*chỉnh lý tài liệu*" trong nghiên cứu và dịch thuật.

Chúng ta đều biết, trong hơn 40 năm qua, ngành nghiên cứu lịch sử của nước ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể, trong đó có một thành tựu nổi bật là cho dịch và công bố được những bộ sử có giá trị tiêu biểu nhất, trọng tâm của di sản sử tịch dân tộc, làm tài liệu cơ bản để tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử Việt Nam, và Đào Duy Anh cùng một số học giả khác ở Viện Sử học như Trần Văn Giáp, Hoa Bằng, Hoàng Thúc Trâm, Phạm Trọng Điềm..., là những người đã có công lớn làm nên thành tựu kể trên.

Nếu đọc lại những dịch phẩm về sử học do Tổ biên dịch của Viện Sử học thực hiện, được xuất bản từ những năm 1962-1963, trở đi, chúng ta thấy trong đó học giả Đào Duy Anh thường đảm nhiệm công việc giám định, chỉnh lý văn bản, hiệu đính và chú giải. Thí dụ, *Đại Nam nhất thống chí* do Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính; *Phủ biên tạp lục* do Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào

Duy Anh hiệu đính; *Đại Việt sử ký toàn thư* do Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng...

Để có được một bản dịch từ chữ Hán cổ ra Việt ngữ ngày nay đem xuất bản phải qua các công đoạn khảo chứng văn bản, dịch, hiệu đính, chú giải. Trong 4 công đoạn này, công đoạn nào cũng khó; song phải nói rằng khảo chứng văn bản và chú giải là hai khâu học thuật khó khăn, phức tạp nhất, bởi vì để thực hiện tốt công việc này, nhà nghiên cứu không chỉ giỏi chữ nghĩa mà còn phải có một vốn tri thức cổ học uyên bác, một nhà bác học về sách vở.

Nhìn vào lịch sử bộ môn huấn hử học, hiệu khám học, khảo chứng học, tức là môn khoa học chuyên chú giải sách vở và giám định, phân biệt sách thật, sách giả của người Trung Quốc từ thời Đường, Tống đến Minh, Thanh, chúng ta thấy có nhiều học giả lớn, như Tư Mã Trinh (đời Đường) khảo chứng sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên, làm thành bộ *Sử ký sách ẩn*. Trương Thủ Tiết (đời Đường) làm *Sử ký chính nghĩa*. Lịch Đạo Nguyễn thời Tấn chú giải sách *Thủy kinh*. Cố Viêm Vũ, Cố Tổ Vũ, Đới Chấn... đời Thanh, đều là những nhà khảo chứng nổi tiếng.

*PGS. TS. Viện Sử học.

Trong cái rừng cổ tịch của Trung Quốc có nhiều nguy thư, tức là nhiều sách giả. Vì vậy, việc nghiên cứu, phân biệt sách "chân, nguy" là một yêu cầu bức thiết và môn khảo chứng học rất phát triển ở Trung Quốc, đặc biệt là vào đời Thanh.

Ở Việt Nam thời xưa ít thấy có trường hợp chế tác nguy thư như ở Trung Quốc, nhưng di sản sách vở các cụ để lại rất bộn bề, phức tạp. Vì sách in ít, lại bị thất tán qua binh lửa liên miên, nên trong kho sách Hán Nôm hiện còn, đại bộ phận là sách chép tay, chứa đựng rất nhiều sai sót, nhầm lẫn, mà công tác khảo chứng, hiệu khám (tức là môn *văn bản học*) lại non kém, không phát triển, do đó các nhà nghiên cứu khi khai thác, sử dụng tài liệu cổ tịch gặp không ít khó khăn.

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, cũng như học giả Trần Văn Giáp, học giả Đào Duy Anh đã thấy đối với nguồn tài liệu lịch sử Việt Nam có nhiều vấn đề bức xúc về văn bản học và Đào Duy Anh đã viết bài **"Sự cần thiết chỉnh lý tài liệu trong công tác nghiên cứu và phiên dịch"** (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 37-1962), trong đó, ông nói: *"Hiện nay tại Thư viện Khoa học Trung ương cũng như tại một số thư viện cơ quan (như Thư viện của Viện Sử học chẳng hạn) hay các thư viện riêng, chúng ta còn có một số thư tịch chữ Hán và chữ Nôm mà trong các mục lục xưa người ta gọi là quốc thư, đó đều là những tài liệu rất quý giá đối với sự nghiên cứu lịch sử, văn học và văn hóa xưa của ta về thời phong kiến và trước. Những tài liệu ấy, in cũng như viết tay, đều chưa được chỉnh lý, cho nên trong ấy có rất nhiều chỗ sai sót (ở đây chúng tôi không nêu lên những nguyên nhân phức*

tạp gây nên tình trạng sai sót ấy). Sự sử dụng những tài liệu ấy đặt ra một vấn đề tiên quyết là vấn đề chỉnh lý. Hiện nay các cơ quan nghiên cứu đã bắt đầu lần lượt phiên dịch những sách cũ ấy tùy theo chuyên môn của mình. Công việc phiên dịch cũng đặt ra vấn đề chỉnh lý thư tịch. Nếu không chỉnh lý mà cứ đem những tài liệu ấy ra mà sử dụng theo ý nguyên văn thì tất khó tránh khỏi những điều sai lầm tai hại cho học thuật, như loại "thỉ hội, lỗ ngữ", hay là "đô đô bình trượng ngũ, thiết thiết phản nhập thiết" (1).

Trong công tác nghiên cứu cũng là công tác phiên dịch và hiệu đính của Tổ cổ sử (Viện Sử học), chúng tôi luôn luôn gặp những sách cũ có nhiều sai lầm như thế. Chúng tôi có thể nói rằng đối với tất cả thư tịch cũ của ta còn có ngày nay, muốn sử dụng chúng trong công tác nghiên cứu và phiên dịch thì nhất thiết phải làm công việc chỉnh lý trước đã".

Từ thực tế hàng ngày tiếp xúc với sách vở Hán Nôm, học giả Đào Duy Anh đã phát hiện và tổng kết thành 5 loại hình sai lầm thường gặp trong sách vở Hán Nôm là:

- Những chữ đồng âm lẫn với nhau (thí dụ sát là giết, lầm thành sát là xét)...
- Những chữ lầm thành chữ khác do tự dạng gần nhau ("*thập tam*" lầm thành "*thập nhất*". Nguyễn Kính Phi lầm thành Nguyễn Kính Kỳ)...
- Chép lầm vì lộn nghĩa ("*gia tội*" thành "*giảm tội*").
- Những chữ đảo lộn nhau ("*lý tụng*" (sử kiện) lầm thành "*tụng lý*" (lễ kiện)...
- Sót chữ, sót câu...

Cách đặt vấn đề và khái quát thực trạng phức tạp của sách vở Hán Nôm

của học giả Đào Duy Anh thật sự mang một ý nghĩa lý luận văn bản học. Cùng với hàng chục pho sách Hán Nôm viết về lịch sử, về văn chương, về đạo Phật, đã được Đào Duy Anh khảo chứng, chú giải một cách uyên bác, chứng tỏ ông là một nhà chú giải, khảo chứng tâm cổ của nước ta.

Ở đây tôi chỉ nêu lên một vài dẫn chứng về sự đóng góp quan trọng của học giả Đào Duy Anh trên lĩnh vực chú giải, khảo chứng tài liệu lịch sử mà ông đã làm trong thời gian ông công tác tại Viện Sử học. Thí dụ:

1. Khảo chứng sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn.

Chúng ta đều biết *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (viết ở Phú Xuân năm 1776) là nguồn tài liệu phong phú, quan trọng nhất ghi chép về đời sống kinh tế, chính trị, địa lý, lịch sử ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn trị vì. *Phủ biên tạp lục* đã được Viện Sử học cho xuất bản năm 1964, do Đỗ Mộng Khương dịch, Đào Duy Anh khảo chứng và hiệu đính. Năm 1977, *Phủ biên tạp lục* được tái bản, nằm trong *Lê Quý Đôn toàn tập* (tập I).

Khi sử dụng *Phủ biên tạp lục*, chúng ta nói chung thường chỉ thấy đây là một quyển sách hết sức quý giá, chứ ít ai hiểu rằng để có được một bản dịch *Phủ biên tạp lục* như vậy, học giả Đào Duy Anh đã phải mất biết bao công sức trong việc khảo chứng, chỉnh lý văn bản trước khi dịch thuật.

Khi tiến hành khảo chứng văn bản *Phủ biên tạp lục*, học giả Đào Duy Anh tìm thấy 8 bản đều là sách chép tay, trong đó có 4 bản tốt nhất là bản của Thư viện Viện Sử học, bản của Thư viện Khoa học xã hội, bản của Trường Đại học Tổng hợp và bản của học giả Đào

Duy Anh sao chép và hiệu đính. Theo nghiên cứu của Đào Duy Anh thì mấy bản này cũng xuất từ 3 nguồn gốc chính là chép theo bản của Thư viện Bảo Đại, của Nội các ở Huế, và của Thư viện nhà Cao Xuân Dục (vốn được chép ở một bản của Quốc sử quán). Tuy nhiên, các bản này đều không hoàn chỉnh: bản thì chép nhầm lẫn, sai sót, bản thì thiếu phần cuối quyển I, quyển III... Tình trạng văn bản *Phủ biên tạp lục* vốn lộn xộn, thiếu sót và đầy rẫy nhầm lẫn như vậy đã khiến học giả Đào Duy Anh phải dày công giám định, chỉnh lý thành một văn bản nhất quán, đầy đủ, ổn định để hiệu đính và công bố.

Công việc ấy được ông tóm tắt lại như sau: "Chúng tôi đã đối chiếu ba bản ấy (tức là bản của Viện Sử học, Thư viện Khoa học Xã hội (nay đã chuyển về kho sách Viện Hán Nôm) và Trường Đại học Tổng hợp - TNL), đồng thời tra khảo đối chiếu với các sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Ô Châu cận lục*, *Gia Định thành thông chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *An Nam chí [nguyên]* mà chép làm một bản tương đối ổn xác..." (xem Đào Duy Anh. *Giới thiệu tài liệu "Sách Phủ biên tạp lục" và bản dịch*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 64 - 7/1964).

Sách *Phủ biên tạp lục*, bản dịch hiện hành, chính là được dịch từ văn bản chữ Hán sau khi học giả Đào Duy Anh đã khảo chứng, chỉnh lý "tương đối ổn xác".

2. Chú giải sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Đại Việt sử ký toàn thư là bộ quốc sử lớn của Việt Nam, lần đầu tiên được Viện Sử học cho dịch và xuất bản thành 4 tập (in trong 2 năm 1967-1968). Học giả Đào

Duy Anh đã có công lớn trong việc hiệu đính, chú giải và khảo chứng bộ sách quan trọng này. Vì *Đại Việt sử ký toàn thư* là sách in, nên không có mấy phức tạp về mặt văn bản học. Việc khó khăn, phức tạp nhất ở đây là chú giải, khảo chứng, đặc biệt là khảo, chú về địa danh.

Phần chú giải, khảo chứng cho bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* mà học giả Đào Duy Anh đã làm cộng lại dày ngót 250 trang sách in. Qua phần chú giải *Đại Việt sử ký toàn thư*, người đọc thấy Đào Duy Anh quả là học giả có một vốn kinh nghiệm tri thức sâu rộng, vững chắc về lịch sử, về địa lý học lịch sử. Khối lượng cổ tịch của Trung Quốc, Việt Nam được Đào Duy Anh sử dụng để chú giải *Đại Việt sử ký toàn thư* rất đồ sộ và qua đây cũng chứng tỏ Đào Duy Anh là nhà bác học về sách vở.

Sự uyên bác của một nhà chú giải học không chỉ bộc lộ ở công trình có quy mô lớn, mà nhiều khi chỉ chú giải một cuốn sách nhỏ, thậm chí một bài văn bia, cũng đủ in đậm dấu ấn của một đầu óc trác việt. Tôi muốn nói tới trường hợp học giả Đào Duy Anh chú giải, khảo chứng tấm bia cổ ở Trường Xuân (Đông Sơn, Thanh Hóa) do ông phát hiện, dựng vào năm Đại Nghiệp thứ 14 (618) đời nhà Tùy, tức là một tấm bia có niên đại cổ nhất ở nước ta. Nội dung tấm bia cổ ở Trường Xuân có liên quan tới vấn đề nhà Tiên Lý và có nói đến nhân vật lịch sử Lê Cốc, vào đời Đại Nghiệp từng làm Thái thú Cửu Chân.

CHÚ THÍCH

(1). Ngày xưa, để chỉ người học kém, đọc chữ nọ lẫn chữ kia, người ta nói là đọc *thỉ* (豕) làm *hợi* (亥), đọc *lỗ* (魯) làm *ngư* (魚) và để chế diễu, người ta nói là đọc câu "úc úc hồ văn tai (郁郁乎文哉)

Từ tấm bia này, dựa vào các nguồn sử tịch Trung Quốc như *Lương thư*, *Trần thư*, *Tùy thư*... Đào Duy Anh đã chứng minh rằng trong 60 năm kể từ khi Lý Bôn khởi nghĩa (năm 541, đời nhà Lương) dựng ra nhà Tiên Lý rồi kế tiếp là Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử, đã lãnh đạo nhân dân Giao Châu thoát ly ách thống trị của phong kiến Trung Hoa, bác lại ý kiến của học giả Pháp, H.Maspéro cho rằng trong 60 năm ấy, Giao Châu vẫn nằm dưới sự thống trị của Trung Quốc. Học giả Đào Duy Anh còn phát hiện sự nhầm lẫn của H.Maspéro khi học giả này nói viên Thái thú Đàm Hoãn làm quan thời nhà Trần, nhưng thực ra Đàm Hoàn làm quan thời nhà Lương, trước nhà Trần.

Từ năm 1960 trở đi (tức là từ khi về công tác tại Viện Sử học), Giáo sư Đào Duy Anh đã khảo chứng, chú giải, hiệu đính nhiều bộ sách nổi tiếng về sử học, văn học, triết học, như bên cạnh *Đại Nam nhất thống chí*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, ông còn khảo chú *Khóa hư lục*, *Binh thư yếu lược* (phụ *Hổ trưởng khu cò*), *Truyện Hoa Tiên*, *Truyện Kiều*, thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Trãi...

Với những công trình này, chúng ta có đủ cơ sở để nhận định rằng, học giả Đào Duy Anh không những là một sử gia, một nhà địa lý học lịch sử lớn, nhà nghiên cứu văn học, văn hóa, nhà biên soạn từ điển danh tiếng, ông còn là nhà chú giải và khảo chứng học xuất sắc của nước ta.

(Luận ngữ) làm "Đô đô bình trượng ngã (都都平丈我) và đọc câu "Ấu ấu cập nhân ấu (幼幼及人幼) (Mạnh Tử) làm "Thiết thiết phản nhập thiết (切切反入切). Những câu đọc lầm thành chẳng có ý nghĩa gì cả.